

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 56/2021/DS-ST

Ngày: 17- 6 - 2021

"*V/v Tranh chấp hợp đồng*

Vay tài sản".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lanh**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm**.

2. Bà **Trần Thị Thu Hà**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLST – DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Văn H** – sinh năm 1963 (có mặt).

2. *Bị đơn:* 2.1. Anh **Nguyễn Văn G** – sinh năm: 1987 (có mặt).

2.2. Chị **Lê Thị D** – sinh năm: 1990 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp M, xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 05/02/2021, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay ông Lê Văn H trình bày:

Vào ngày 09/8(âl)/2020 nhằm ngày 25/9(dl)/2020 ông có cho vợ chồng anh Nguyễn Văn G và chị Lê Thị D vay số tiền là 40.000.000đ, lãi suất hai bên thoả thuận là 40.000.000đ một ngày là 320.000đ tiền lãi, thời gian trả tiền vay vốn là 04 tháng, có làm biên nhận nợ. Sau đó anh G và chị D có đóng lãi cho ông được 03 tháng với số tiền là 28.800.000đ. Đến ngày 09/11(âl)/2020 nhằm ngày 22/12(dl)/2020 thì vợ chồng anh G, chị D có trả cho ông được 15.000.000đ tiền vốn vay và còn nợ lại ông là 25.000.000đ. Sau đó ông có nhiều lần đến gặp anh G, chị D để yêu cầu trả tiền vốn vay cho ông nhưng vợ chồng anh G, chị D

không trả tiền vay cho ông.

Nay ông H yêu cầu anh Nguyễn Văn G và chị Lê Thị D cùng có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vay vốn còn lại là 25.000.000đ. Ông không yêu cầu tính lãi, đối với số tiền lãi ông đã nhận là 28.800.000đ ông không đồng ý điều chỉnh lãi suất mà ông cho rằng anh G, chị D đã đóng xong vì vậy ông không yêu cầu tính lại.

* Tại bảng khai ý kiến ngày 19/3/2021 và tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị D trình bày:

Vào ngày 09/8(âl)/2020 chị và chồng chị là anh Nguyễn Văn G có vay của ông H số tiền là 40.000.000đ, có làm biên nhận nợ, hai bên thỏa thuận lãi suất 1.000.000đ mỗi ngày là 8.000đ, chị vay 40.000.000đ mỗi ngày chị phải đóng tiền lãi là 320.000đ, chị đã đóng lãi cho ông H được 03 tháng với số tiền là 28.800.000đ. Đến ngày 09/11(âl)/2020 thì vợ chồng chị có trả cho ông H được 15.000.000đ còn nợ lại ông H là 25.000.000đ. Nay ông H yêu cầu chị và anh G cùng có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền vay còn lại là 25.000.000đ, không yêu cầu tính lãi thì chị đồng ý nhưng chị xin Tòa án trừ vào số tiền lãi mà chị đã đóng cho ông H là 28.800.000đ, số tiền còn lại bao nhiêu thì chị đồng ý trả cho ông H, chị đồng ý trả lãi cho ông H theo mức lãi suất 1.66%/tháng tính từ ngày 09/8(âl)/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

* Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Văn G trình bày: Anh thống nhất với ý kiến của vợ anh là chị Lê Thị D, nay ông H yêu cầu anh trả số tiền nợ còn lại là 25.000.000đ thì anh cũng đồng ý nhưng anh yêu cầu trừ vào số tiền lãi mà anh đã đóng cho ông H là 28.800.000đ, anh đồng ý trả lãi cho ông H theo mức lãi suất 1.66%/tháng tính từ ngày 09/8(âl)/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền còn nợ lại bao nhiêu anh đồng ý trả cho ông H.

* Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện; Sổ hộ khẩu, CMND (bản sao); Đơn xin xác nhận; Đơn xin miễn án phí; Giấy chứng nhận thương binh; Biên nhận nợ (photo); Dịch vụ chuyển phát nhanh.

Bị đơn chị D đã nộp: Bảng khai ý kiến.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Ông Lê Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông H và anh G, chị D. Anh G, chị D có nơi cư trú tại ấp Quang Minh, xã Quới An, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều

35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án thì Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh G, chị D nhưng anh G, chị D cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay có mặt anh G và chị D.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng vay tài sản giữa ông H và anh G, chị D được thiết lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật.

Ông H yêu cầu anh Nguyễn Văn G và chị Lê Thị D cùng có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền vay vốn còn lại là 25.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa hôm nay anh G và chị D cùng thống nhất thừa nhận là vào ngày 9/8(âl)/2020 anh chị có vay tiền của ông H số tiền vốn là 40.000.000đ, đến ngày 09/11(âl)/2020 anh chị đã trả cho ông H được 15.000.000đ, ông H yêu cầu anh chị trả số tiền vốn còn lại là 25.000.000đ thì anh chị cũng đồng ý nhưng anh chị yêu cầu trừ vào số tiền lãi mà anh chị đã đóng là 28.800.000đ, anh chị thống nhất tính lãi theo mức lãi suất 1.66%/tháng, số tiền còn lại anh chị thống nhất trả cho ông H.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông H là có cơ sở. Do chị D và anh G thống nhất thừa nhận là chị D và anh G còn nợ tiền vay của ông H số tiền vốn là 25.000.000đ, chị D và anh G cũng đồng ý trả cho ông H số tiền vay là 25.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay chị D anh G yêu cầu điều chỉnh lãi suất theo lãi suất quy định 1.66%/tháng tính từ ngày 9/8(âl)/2020 nhằm ngày 25/9(dl)/2020, số tiền còn lại anh chị thống nhất trả cho ông H. Xét yêu cầu anh G, chị D là có cơ sở do ông H thừa nhận ông có nhận tiền lãi 03 tháng với số tiền là 28.800.000đ, do hai bên thỏa thuận lãi suất chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại mức lãi suất 1.66%/tháng, số tiền lãi được tính như sau:

$40.000.000đ \times 1.66\% \times 02 \text{ tháng } 28 \text{ ngày (từ ngày 25/9/2020 đến ngày 22/12/2020)} = 1.947.500đ.$

$25.000.000đ \times 1.66\% \times 05 \text{ tháng } 26 \text{ ngày (23/12/2020 đến ngày 17/6/2021)} = 2.434.500đ.$

Như vậy số tiền lãi chị D, anh G phải đóng cho ông H là 4.382.000đ do ông H đã nhận tiền lãi của chị D là 28.800.000đ nên số tiền lãi còn dư lại là 24.418.00đ được trừ vào số tiền vốn 25.000.000đ số tiền còn lại 582.000đ (Năm trăm tám mươi hai nghìn đồng) buộc chị D, anh G có nghĩa vụ trả cho ông H.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị D và anh G phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do ông H là thương binh.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H.

Buộc anh Nguyễn Văn G và chị Lê Thị D phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Văn H số tiền vốn vay còn lại là 582.000đ (Năm trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Văn G và chị Lê Thị D phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Ông Lê Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do ông Lê Văn H là thương binh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thị Lanh